

Số: 1777.../TB-CDDLHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc thi học kỳ 1 (lần 1) năm học 2025 - 2026 đối với
Trình độ Trung cấp K27; K28 và Cao đẳng C21; C22; Song bằng 10H

Để chuẩn bị cho công tác thi học kỳ 1 (lần 1) năm học 2025 - 2026 đối với Trình độ Trung cấp K27; K28 và Cao đẳng C21; C22; Song bằng 10H, Nhà trường thông báo đến các Khoa và các đơn vị liên quan nội dung sau:

1. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế:

- Lên lịch thi theo phòng thi, buổi thi.
- Lập danh sách chi tiết học sinh, sinh viên theo từng phòng thi, buổi thi.
- Chuẩn bị giấy thi, giấy nháp, túi bài thi và văn phòng phẩm có liên quan.

2. Phòng Công tác Học sinh, Sinh viên và Đảm bảo chất lượng giáo dục:

- Rà soát và cắt danh sách trong phần mềm đào tạo đối với những trường hợp thôi học, gạch tên trước 16h00 ngày 12/01/2026.

3. Phòng Hành chính, Tổng hợp:

- Chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho kỳ thi.
- Gửi danh sách sinh viên cầm thi do nợ học phí về phòng Đào tạo, QLKH và HTQT trước 16h00 ngày 12/01/2026.

4. Các khoa:

- Gửi danh sách cán bộ coi thi (có bảng phân công kèm theo) chuyển về phòng Đào tạo, QLKH và HTQT trước 16h00 ngày 12/01/2026 (đ/c Nguyễn Văn Thắng).
- Gửi đề thi tự luận (90 phút - không kể thời gian chép đề - 02 đề thi) đối với những môn thi chưa có ngân hàng câu hỏi hoặc ngân hàng câu hỏi không sử dụng được, kèm đáp án, biểu điểm, phiếu chấm (sau khi đã được Trường khoa/Trường bộ môn duyệt, nhân đề tại phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, niêm phong theo từng phòng thi, buổi thi) về phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế trước ngày thi ít nhất 03 ngày (không kể ngày nghỉ) đối với mỗi môn thi (đ/c Lê Thị Thanh Tâm).
- Hoàn thiện điểm thành phần cho học sinh, sinh viên theo quy định và gửi danh sách học sinh, sinh viên không đủ điều kiện dự thi về phòng Đào tạo, QLKH và HTQT.
- Trưởng khoa/Bộ môn chỉ đạo phân công giáo viên chấm thi lý thuyết đảm bảo đúng Quy chế hiện hành.
- Thông báo đến toàn thể cán bộ, giáo viên chấm thi đối với các môn thực hành/vấn đáp gửi bảng điểm/kết quả thi về Ban thư ký thi ngay sau khi kết thúc mỗi buổi/ca thi.
- Giáo viên chủ nhiệm thông báo lịch thi đến học sinh, sinh viên.

Nhận được Thông báo này, Nhà trường yêu cầu các Khoa, các đơn vị liên quan và các học sinh, sinh viên nghiêm túc triển khai thực hiện. /s/

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các khoa trong Trường;
- Phòng CTHSSV&ĐBCLGD; HCTH;
- TTUDCNTT (để đăng tải trên CTTĐT);
- Lưu: VT, ĐT, QLKH&HTQT(02), NVT(13).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Bùi Tất Hiếu



LỊCH THI HỌC KỲ 1 (LẦN 1) NĂM HỌC 2025 - 2026

TRÌNH ĐỘ TC K27 VÀ C21E

(Kèm theo Thông báo số 1777.../TB - CDDLHN ngày 10...tháng 12...năm 2025)

Stt	Khối	Môn học	Giờ	Ngày	Lớp/Phòng
1	K27 D	Thực hành chế biến món ăn 2	13h00	Thứ 2 22/12/25	D1/Phòng thực hành
2	K27 D	Xây dựng thực đơn	13h00	Thứ 3 23/12/25	D1/B801
3	K27 D	Thực hành chế biến bánh	13h00	Thứ 4 24/12/25	D1/Phòng thực hành
4	K27 D	Tâm lý khách du lịch	13h00	Thứ 5 25/12/25	D1/B801
5	K27 D	Ngoại ngữ chuyên ngành	15h00	Thứ 6 26/12/25	(Thi vấn đáp) D1/B701
6	C21 E	Thực hành kế toán 2	13h00	Thứ 2 22/12/25	(Thi thực hành) E1/PTH
7	C21 E	Kế toán tài chính 2	15h00	Thứ 3 23/12/25	E12/B801
8	C21 E	Thực hành kế toán 2	13h00	Thứ 4 24/12/25	(Thi thực hành) E2/PTH
9	C21 E	Giáo dục chính trị	15h00	Thứ 5 25/12/25	E12/B801
10	C21 E	Ngoại ngữ chuyên ngành	13h00	Thứ 6 26/12/25	(Thi vấn đáp) E12/B701

Chú ý:

- Giáo viên coi thi tập trung tại phòng truyền thống trước giờ thi 15 phút.
- Thí sinh tập trung tại phòng thi trước giờ thi 15 phút.
- Khi đi thi, thí sinh mang theo thẻ học sinh - sinh viên (hoặc giấy CMND).

R

LỊCH THI HỌC KỲ 1 (LẦN 1) NĂM HỌC 2025 - 2026
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP SONG BẰNG K28SBD1 VÀ K28SBC1 (10H)

(Kèm theo Thông báo số 1777.../TB - CDDLHN ngày 10...tháng 12...năm 2025)

Sst	Khối	Môn	Giờ	Ngày	Lớp/Phòng
1	10H D1	Pháp luật	13h00	Thứ 2 19/01/26	SBD1/B401
2	10H D1	Ngoại ngữ cơ bản	13h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi vấn đáp) SBD1/B401
3	10H D1	Tổng quan du lịch	13h00	Thứ 4 21/01/26	SBD1/B401
4	10H D1	Văn hóa ẩm thực	13h00	Thứ 5 22/01/26	SBD1/B401
5	10H D1	Tin học 1	13h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi thực hành) SBD1/B405
6	10H D1	Lý thuyết chế biến món ăn	13h00	Thứ 7 24/01/26	SBD1/B401
7	10H C1	Pháp luật	13h00	Thứ 2 19/01/26	SBC1/B401
8	10H C1	Ngoại ngữ cơ bản	13h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi vấn đáp) SBC1/B401
9	10H C1	Tổng quan du lịch	13h00	Thứ 4 21/01/26	SBC1/B401
10	10H C1	Văn hóa ẩm thực	13h00	Thứ 5 22/01/26	SBC1/B401
11	10H C1	Tin học 1	13h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi thực hành) SBC1/B405
12	10H C1	Lý thuyết nghiệp vụ PV bản	13h00	Thứ 7 24/01/26	SBC1/B401

Chú ý:

- Giáo viên coi thi tập trung tại phòng truyền thống trước giờ thi 15 phút.
- Thí sinh tập trung tại phòng thi trước giờ thi 15 phút.
- Khi đi thi, thí sinh mang theo thẻ học sinh - sinh viên (hoặc giấy CMND).

LỊCH THI HỌC KỲ I (LẦN 1) NĂM HỌC 2025 - 2026 - TRÌNH ĐỘ TC K28

(Kèm theo Thông báo số 1777/TB - CDDLHN ngày 10 tháng 12 năm 2025)

Stt	Khối	Môn	Giờ	Ngày	Lớp/Phòng
1	K28 D	Pháp luật	15h00	Thứ 2 19/01/26	D1/B401
2	K28 D	Tổng quan du lịch	15h00	Thứ 4 21/01/26	D1/B401
3	K28 D	Ngoại ngữ cơ bản	9h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi vấn đáp) D1/B603
4	K28 D	Văn hóa ẩm thực	15h00	Thứ 7 24/01/26	D1/B401
5	K28 D	Lý thuyết chế biến món ăn	15h00	Thứ 2 26/01/26	D1/B401
6	K28 D	Tin học I	13h00	Thứ 3 27/01/26	(Thi thực hành) D1/B405

Chú ý:

- Giáo viên coi thi tập trung tại phòng truyền thống trước giờ thi 15 phút.
- Thí sinh tập trung tại phòng thi trước giờ thi 15 phút.
- Khi đi thi, thí sinh mang theo thẻ học sinh - sinh viên (hoặc giấy CMND).

LỊCH THI HỌC KỲ I (LẦN 1) NĂM HỌC 2025 - 2026 - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG C21

(Kèm theo Thông báo số 1777.../TB - CĐDLHN ngày 10...tháng 12...năm 2025)

DU LỊCH
NHÂN NỘI

Stt	Khối	Nội dung	Giờ	Ngày	Lớp/Phòng
1	C21 A	Thực hành nghiệp vụ lễ tân 2	7h00	Thứ 2 19/01/26	(Thi thực hành) A1/PTH, A2/PTH
2	C21 A	Thực hành nghiệp vụ lễ tân 2	13h00	Thứ 2 19/01/26	(Thi thực hành) A3/PTH, A4/PTH
3	C21 A	Thực hành nghiệp vụ PV buồng 2	7h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi thực hành) A1/PTH
4	C21 A	Thực hành nghiệp vụ PV buồng 2	13h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi thực hành) A2/PTH
5	C21 A	Nguyên lý kế toán	13h00	Thứ 4 21/01/26	A1/D301, A2/D302, A3/A502, A4/A504, A5/B801, A6/B802
6	C21 A	Thực hành nghiệp vụ PV buồng 2	7h00	Thứ 5 22/01/26	(Thi thực hành) A3/PTH
7	C21 A	Thực hành nghiệp vụ PV buồng 2	13h00	Thứ 5 22/01/26	(Thi thực hành) A4/PTH
8	C21 A	Thực hành nghiệp vụ PV buồng 2	7h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi thực hành) A5/PTH
9	C21 A	Thực hành nghiệp vụ PV buồng 2	13h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi thực hành) A6/PTH
10	C21 A	Thống kê doanh nghiệp	13h00	Thứ 2 26/01/26	A1/D301, A2/D302, A3/A502, A4/A504, A5/B801, A6/B802
11	C21 A	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	7h00	Thứ 3 27/01/26	(Thi vấn đáp) A1/B501, A2/B502, A3/B503, A4/B601, A5/B602, A6/B603
12	C21 A	Giao tiếp trong kinh doanh	13h00	Thứ 4 28/01/26	A1/D301, A2/D302, A3/A502, A4/A504, A5/B801, A6/B802
13	C21 A	Thực hành nghiệp vụ lễ tân 2	7h00	Thứ 5 29/01/26	(Thi thực hành) A5/PTH, A6/PTH
14	C21 A	Lý thuyết nghiệp vụ phục vụ bàn	15h00	Thứ 6 30/01/26	A1/D301, A2/D302, A3/A502, A4/A504, A5/B801, A6/B802
15	C21 B	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn DL	7h00	Thứ 2 19/01/26	(Thi thực hành) B1/PTH, B2/PTH
16	C21 B	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn DL	13h00	Thứ 2 19/01/26	(Thi thực hành) B3/PTH, B4/PTH
17	C21 B	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	7h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi vấn đáp) B1/B501, B2/B502, B3/B503, B4/B603
18	C21 B	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	7h00	Thứ 4 21/01/26	(Thi vấn đáp) B5/B501, B6/B502, B7/B503, B8/B603
19	C21 B	Đại cương văn hóa Việt Nam	13h00	Thứ 6 23/01/26	B1/D301, B2/D302, B3/D401, B4/D402, B5/A502, B6/A504, B7/B801, B8/B802
20	C21 B	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn DL	7h00	Thứ 2 26/01/26	(Thi thực hành) B5/PTH, B6/PTH
21	C21 B	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn DL	13h00	Thứ 2 26/01/26	(Thi thực hành) B7/PTH, B8/PTH
22	C21 B	Giao tiếp trong kinh doanh	13h00	Thứ 4 28/01/26	B1/A103, B2/A105, B3/A202, B4/A204, B5/A302, B6/A304, B7/A402, B8/A404
23	C21 B	Nghiệp vụ văn phòng	13h00	Thứ 6 30/01/26	B1/D301, B2/D302, B3/D401, B4/D402, B5/A502, B6/A504, B7/B801, B8/B802
24	C21 C	Thực hành nghiệp vụ phục vụ bàn 2	7h00	Thứ 2 19/01/26	(Thi thực hành) C1/PTH
25	C21 C	Thực hành nghiệp vụ phục vụ bàn 2	13h00	Thứ 2 19/01/26	(Thi thực hành) C2/PTH
26	C21 C	Tâm lý khách du lịch	15h00	Thứ 4 21/01/26	C1/D301, C2/D302
27	C21 C	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	7h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi vấn đáp) C1/B501, C2/B502
28	C21 C	Thống kê doanh nghiệp	13h00	Thứ 2 26/01/26	C1/A202, C2/A204
29	C21 C	Giao tiếp trong kinh doanh	13h00	Thứ 4 28/01/26	C1/D401, C2/D402
30	C21 C	Thực hành nghiệp vụ phục vụ bar 2	7h00	Thứ 6 30/01/26	(Thi thực hành) C1/PTH
31	C21 C	Thực hành nghiệp vụ phục vụ bar 2	13h00	Thứ 6 30/01/26	(Thi thực hành) C2/PTH
32	C21 D	Thực hành chế biến món ăn 2	7h00	Thứ 2 19/01/26	D1,D2,D3,D4,D5/Phòng thực hành
33	C21 D	Thực hành chế biến món ăn 2	7h00	Thứ 3 20/01/26	D6,D7,D8,D9,D10/Phòng thực hành
34	C21 D	Tâm lý khách du lịch	15h00	Thứ 4 21/01/26	D1/A103, D2/A105, D3/A202, D4/A204, D5/A302, D6/A304, D7/A402, D8/A404, D9/A502, D10/A504
35	C21 D	Hạch toán định mức	15h00	Thứ 6 23/01/26	D1/A103, D2/A105, D3/A202, D4/A204, D5/A302, D6/A304, D7/A402, D8/A404, D9/A502, D10/A504
36	C21 D	Lý thuyết nghiệp vụ bàn bar	15h00	Thứ 2 26/01/26	D1/A103, D2/A105, D3/A202, D4/A204, D5/A302, D6/A304, D7/A402, D8/A404, D9/A502, D10/A504
37	C21 D	Pháp luật kinh tế	15h00	Thứ 4 28/01/26	D1/A103, D2/A105, D3/A202, D4/A204, D5/A302, D6/A304, D7/A402, D8/A404, D9/A502, D10/A504
38	C21 D	Thực hành chế biến bánh 1	7h00	Thứ 5 29/01/26	D1,D2,D3,D4,D5/Phòng thực hành
39	C21 D	Thực hành chế biến bánh 1	7h00	Thứ 6 30/01/26	D6,D7,D8,D9,D10/Phòng thực hành

LỊCH THI HỌC KỲ I (LẦN 1) NĂM HỌC 2025 - 2026 - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG C21

(Kèm theo Thông báo số 1777.../TB - CDDLHN ngày 12...tháng 12...năm 2025)

SST	Khối	Môn	Giờ	Ngày	Lớp/Phòng
40	C21 G	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	7h00	Thứ 2 19/01/26	(Thi vấn đáp) G7/B501, G8/B502
41	C21 G	Thực hành NV hướng dẫn DL 1	7h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi thực hành) G1/PTH, G2/PTH
42	C21 G	Thực hành NV hướng dẫn DL 1	13h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi thực hành) G3/PTH, G4/PTH
43	C21 G	Di tích lịch sử - văn hóa và DTVN	13h00	Thứ 4 21/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402, G8/A404
44	C21 G	Thực hành NV hướng dẫn DL 1	7h00	Thứ 5 22/01/26	(Thi thực hành) G5/PTH, G6/PTH
45	C21 G	Thực hành NV hướng dẫn DL 1	13h00	Thứ 5 22/01/26	(Thi thực hành) G7/PTH, G8/PTH
46	C21 G	Đại cương văn hóa Việt Nam	13h00	Thứ 6 23/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402, G8/A404
47	C21 G	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	7h00	Thứ 2 26/01/26	(Thi vấn đáp) G1/B501, G2/B502, G3/B503, G4/B601, G5/B602, G6/B603
48	C21 G	Thực hành TCSK trong hđ LH-HD	7h00	Thứ 3 27/01/26	(Thi thực hành) G1/PTH, G2/PTH
49	C21 G	Thực hành TCSK trong hđ LH-HD	13h00	Thứ 3 27/01/26	(Thi thực hành) G3/PTH, G4/PTH
50	C21 G	Thực hành TCSK trong hđ LH-HD	7h00	Thứ 4 28/01/26	(Thi thực hành) G5/PTH, G6/PTH
51	C21 G	Thực hành TCSK trong hđ LH-HD	13h00	Thứ 4 28/01/26	(Thi thực hành) G7/PTH, G8/PTH
52	C21 G	Nghịệp vụ văn phòng	13h00	Thứ 6 30/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402, G8/A404
53	C21 Hc	Tin học 1	7h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi thực hành) Hc1/B405, Hc2/B505
54	C21 Hc	Tin học 1	9h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi thực hành) Hc3/B405, Hc4/B505
55	C21 Hc	Tiếng TQ nghe 2	7h00	Thứ 4 21/01/26	(Thi viết) Hc1/B403, Hc2/B404
56	C21 Hc	Tiếng TQ nghe 2	7h00	Thứ 5 22/01/26	(Thi viết) Hc3/B403, Hc4/B404
57	C21 Hc	Tiếng TQ đọc 2	15h00	Thứ 6 23/01/26	Hc1/D301, Hc2/D302, Hc3/D401, Hc4/D402
58	C21 Hc	Tiếng TQ viết 2	13h00	Thứ 2 26/01/26	Hc1/A302, Hc2/A304, Hc3/A402, Hc4/A404
59	C21 Hc	Tiếng TQ nói 2	7h00	Thứ 3 27/01/26	(Thi vấn đáp) Hc1/B403, Hc2/B404
60	C21 Hc	Tiếng TQ tổng hợp 4	15h00	Thứ 4 28/01/26	Hc1/D301, Hc2/D302, Hc3/B801, Hc4/B802
61	C21 Hc	Tiếng TQ nói 2	7h00	Thứ 5 29/01/26	(Thi vấn đáp) Hc3/B403, Hc4/B404
62	C21 Hc	Đất nước học TQ	15h00	Thứ 6 30/01/26	Hc1/A302, Hc2/A304, Hc3/A402, Hc4/A404
63	C21 Hd	Thuyết trình bằng tiếng Anh	7h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi vấn đáp) Hd1/B601, Hd2/B602
64	C21 Hd	Lý thuyết nghiệp vụ lễ tân	13h00	Thứ 4 21/01/26	Hd1/D401, Hd2/D402
65	C21 Hd	Lý thuyết nghiệp vụ lễ hành	15h00	Thứ 6 23/01/26	Hd1/B801, Hd2/B802
66	C21 Hd	Tiếng Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) 3	13h00	Thứ 2 26/01/26	Hd1/A103, Hd2/A105
67	C21 Hd	Giáo dục thể chất	7h00	Thứ 3 27/01/26	(Thi thực hành) Hd1, Hd2/Sân tập
68	C21 Hd	Lý thuyết dịch	15h00	Thứ 6 30/01/26	Hd1/A202, Hd2/A204
69	C21 Hd	Tiếng Anh Nhà hàng	7h00	Thứ 2 02/02/26	(Thi vấn đáp) Hd1/B601, Hd2/B602
70	C21 K	Ngoại ngữ chuyên ngành	7h00	Thứ 2 19/01/26	(Thi vấn đáp) K1/B601, K2/B602, K3/B603
71	C21 K	Marketing điện tử	15h00	Thứ 4 21/01/26	K1/B801, K2/B802, K3/D401
72	C21 K	Tổng quan kinh doanh thương mại	15h00	Thứ 2 26/01/26	K1/D301, K2/B801, K3/B802
73	C21 K	Đồ họa ứng dụng	7h00	Thứ 4 28/01/26	(Thi thực hành) K1/B405, K2/B505
74	C21 K	Đồ họa ứng dụng	9h00	Thứ 4 28/01/26	(Thi thực hành) K3/B405
75	C21 K	Quản trị tài chính	15h00	Thứ 6 30/01/26	K1/A103, K2/A105, K3/D401

Chú ý: - Giáo viên coi thi tập trung tại phòng truyền thống trước giờ thi 15 phút.

- Thí sinh tập trung tại phòng thi trước giờ thi 15 phút. Khi đi thi mang theo thẻ HSSV (hoặc giấy CMND, CCCD).

ĐIỂM THI HỌC KỲ I (LẦN 1) NĂM HỌC 2025 - 2026 - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG C22

(Kèm theo Thông báo số 1777/TB - CDDLHN ngày 14 tháng 12 năm 2025)

STT	Khối	Môn	Giờ	Ngày	Lớp/Phòng
1	C22 A	Lý thuyết nghiệp vụ lễ tân	15h00	Thứ 3 20/01/26	A1/D301, A2/D302, A3/A502, A4/A504, A5/B801, A6/B802
2	C22 A	Ngoại ngữ cơ bản I	7h00	Thứ 5 22/01/26	(Thi vấn đáp) A1/B501, A2/B502, A3/B503, A4/B601, A5/B602, A6/B603
3	C22 A	Giáo dục thể chất	7h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi thực hành) A1, A2, A3, A4/Sân tập
4	C22 A	Giáo dục thể chất	9h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi thực hành) A5, A6/Sân tập
5	C22 A	Pháp luật	13h00	Thứ 7 24/01/26	A1/A103, A2/A105, A3/A202, A4/A204, A5/A302, A6/A304
6	C22 A	Giáo dục chính trị	13h00	Thứ 3 27/01/26	A1/A103, A2/A105, A3/A202, A4/A204, A5/A302, A6/A304
7	C22 A	Tổng quan du lịch	13h00	Thứ 5 29/01/26	A1/A103, A2/A105, A3/A202, A4/A204, A5/A302, A6/A304
8	C22 A	Lý thuyết nghiệp vụ phục vụ buồng	15h00	Thứ 2 02/02/26	A1/A103, A2/A105, A3/A202, A4/A204, A5/A302, A6/A304
9	C22 B	Lý thuyết TCSK trong HDLHHD	15h00	Thứ 2 19/01/26	B1/D301, B2/D302, B3/A502, B4/A504, B5/B801, B6/B802
10	C22 B	Giáo dục thể chất	7h00	Thứ 4 21/01/26	(Thi thực hành) B1, B2, B3, B4/Sân tập
11	C22 B	Giáo dục thể chất	9h00	Thứ 4 21/01/26	(Thi thực hành) B5, B6/Sân tập
12	C22 B	Lý thuyết nghiệp vụ lễ tân	15h00	Thứ 5 22/01/26	B1/D301, B2/D302, B3/A502, B4/A504, B5/B801, B6/B802
13	C22 B	Pháp luật	15h00	Thứ 7 24/01/26	B1/D301, B2/D302, B3/A502, B4/A504, B5/B801, B6/B802
14	C22 B	Thống kê doanh nghiệp	15h00	Thứ 3 27/01/26	B1/D301, B2/D302, B3/A502, B4/A504, B5/B801, B6/B802
15	C22 B	Tổng quan du lịch	15h00	Thứ 5 29/01/26	B1/D301, B2/D302, B3/A502, B4/A504, B5/B801, B6/B802
16	C22 B	Nghiệp vụ thanh toán	15h00	Thứ 7 31/01/26	B1/D301, B2/D302, B3/A502, B4/A504, B5/B801, B6/B802
17	C22 B	Địa lý du lịch	15h00	Thứ 2 02/02/26	B1/D301, B2/D302, B3/A502, B4/A504, B5/B801, B6/B802
18	C22 B	Ngoại ngữ cơ bản I	7h00	Thứ 3 03/02/26	(Thi vấn đáp) B1/B501, B2/B502, B3/B503, B4/B601, B5/B602, B6/B603
19	C22 D	Nguyên lý kế toán	13h00	Thứ 2 19/01/26	D1/A103, D2/A105, D3/A202, D4/A204, D5/A302, D6/A304, D7/A402, D8/A404, D9/A502, D10/A504, D11/B801, D12/B802
20	C22 D	Thương phẩm và an toàn thực phẩm	13h00	Thứ 3 20/01/26	D1/A103, D2/A105, D3/A202, D4/A204, D5/A302, D6/A304, D7/A402, D8/A404, D9/A502, D10/A504, D11/B801, D12/B802
21	C22 D	Lý thuyết chế biến món ăn	13h00	Thứ 5 22/01/26	D1/A103, D2/A105, D3/A202, D4/A204, D5/A302, D6/A304, D7/A402, D8/A404, D9/A502, D10/A504, D11/B801, D12/B802
22	C22 D	Tin học I	7h00	Thứ 2 26/01/26	(Thi thực hành) D1/B405, D2/B505
23	C22 D	Tin học I	9h00	Thứ 2 26/01/26	(Thi thực hành) D3/B405, D4/B505
24	C22 D	Tin học I	13h00	Thứ 2 26/01/26	(Thi thực hành) D5/B405, D6/B505
25	C22 D	Tin học I	15h00	Thứ 2 26/01/26	(Thi thực hành) D7/B405, D8/B505
26	C22 D	Tin học I	7h00	Thứ 3 27/01/26	(Thi thực hành) D9/B405, D10/B505
27	C22 D	Tin học I	9h00	Thứ 3 27/01/26	(Thi thực hành) D11/B405, D12/B505
28	C22 D	Ngoại ngữ cơ bản I	7h00	Thứ 4 28/01/26	(Thi vấn đáp) D1/B501, D2/B502, D3/B503, D4/B601, D5/B602, D6/B603
29	C22 D	Ngoại ngữ cơ bản I	7h00	Thứ 5 29/01/26	(Thi vấn đáp) D7/B501, D8/B502, D9/B503, D10/B601, D11/B602, D12/B603
30	C22 D	Sinh lý dinh dưỡng	13h00	Thứ 7 31/01/26	D1/A103, D2/A105, D3/A202, D4/A204, D5/A302, D6/A304, D7/A402, D8/A404, D9/A502, D10/A504, D11/B801, D12/B802
31	C22 D	Marketing du lịch	13h00	Thứ 2 02/02/26	D1/A103, D2/A105, D3/A202, D4/A204, D5/A302, D6/A304, D7/A402, D8/A404, D9/A502, D10/A504, D11/B801, D12/B802

LỊCH THI HỌC KỲ I (LẦN 1) NĂM HỌC 2025 - 2026 - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG C22

(Kèm theo Thông báo số 1.777.../TB - CDDLNH ngày 10...tháng 12...năm 2025)

SST	Khối	Môn	Giờ	Ngày	Lớp/Phòng
32	C22 C	Nguyên lý kế toán	13h00	Thứ 2 19/01/26	C1/D301, C2/D302 (Thi vấn đáp)
33	C22 C	Ngoại ngữ cơ bản I	7h00	Thứ 4 21/01/26	C1/B601, C2/B602
34	C22 C	Giáo dục thể chất	9h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi thực hành) C1, C2/Sân tập
35	C22 C	Pháp luật	13h00	Thứ 7 24/01/26	C1/D301, C2/D302
36	C22 C	Giáo dục chính trị	13h00	Thứ 3 27/01/26	C1/D301, C2/D302
37	C22 C	Tổng quan du lịch	13h00	Thứ 5 29/01/26	C1/D301, C2/D302
38	C22 C	Lý thuyết nghiệp vụ phục vụ bar	13h00	Thứ 7 31/01/26	C1/D301, C2/D302
39	C22 C	Lý thuyết nghiệp vụ phục vụ bàn	13h00	Thứ 2 02/02/26	C1/D301, C2/D302
40	C22 E	Nguyên lý kế toán	13h00	Thứ 2 19/01/26	E1/D401
41	C22 E	Tài chính - Tiền tệ	15h00	Thứ 5 22/01/26	E1/A404
42	C22 E	Pháp luật	13h00	Thứ 7 24/01/26	E1/D401
43	C22 E	Giáo dục thể chất	7h00	Thứ 3 27/01/26	(Thi thực hành) E1/Sân tập
44	C22 E	Tin học I	9h00	Thứ 4 28/01/26	(Thi thực hành) E1/B505
45	C22 E	Nghệ vụ thanh toán	13h00	Thứ 5 29/01/26	E1/D401
46	C22 E	Giao tiếp trong kinh doanh	15h00	Thứ 7 31/01/26	E1/A404
47	C22 E	Ngoại ngữ cơ bản I	7h00	Thứ 2 02/02/26	(Thi vấn đáp) E1/B603
48	C22 G	Marketing du lịch	15h00	Thứ 2 19/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402
49	C22 G	Tâm lý khách du lịch	15h00	Thứ 3 20/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402
50	C22 G	Lý thuyết nghiệp vụ lữ hành	15h00	Thứ 5 22/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402
51	C22 G	Ngoại ngữ cơ bản I	7h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi vấn đáp) G7/B503
52	C22 G	Pháp luật	15h00	Thứ 7 24/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402
53	C22 G	Giáo dục chính trị	15h00	Thứ 3 27/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402
54	C22 G	Tổng quan du lịch	15h00	Thứ 5 29/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402
55	C22 G	Ngoại ngữ cơ bản I	7h00	Thứ 6 30/01/26	(Thi vấn đáp) G1/B501, G2/B502, G3/B503, G4/B601, G5/B602, G6/B603
56	C22 G	Giao tiếp trong kinh doanh	15h00	Thứ 7 31/01/26	G1/A103, G2/A105, G3/A202, G4/A204, G5/A302, G6/A304, G7/A402
57	C22 Hc	Ngoại ngữ cơ bản	7h00	Thứ 3 20/01/26	(Thi vấn đáp) Hc1/B402, Hc2/B403, Hc3/B404
58	C22 Hc	Tiếng TQ tổng hợp I	13h00	Thứ 5 22/01/26	Hc1/D301, Hc2/D302, Hc3/D401
59	C22 Hc	Pháp luật	13h00	Thứ 7 24/01/26	Hc1/A404, Hc2/A502, Hc3/A504
60	C22 Hc	Giáo dục Chính trị	13h00	Thứ 3 27/01/26	Hc1/A404, Hc2/A502, Hc3/A504
61	C22 Hc	Tổng quan du lịch	13h00	Thứ 5 29/01/26	Hc1/A404, Hc2/A502, Hc3/A504
62	C22 Hc	Tiếng TQ tổng hợp 2	15h00	Thứ 2 02/02/26	Hc1/A402, Hc2/A404, Hc3/D401
63	C22 Hd	Ngữ âm tiếng Anh	13h00	Thứ 3 20/01/26	Hd1/D301, Hd2/D302, Hd3/D401
64	C22 Hd	Tiếng Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) I	13h00	Thứ 7 24/01/26	Hd1/A402, Hd2/B801, Hd3/B802
65	C22 Hd	Giáo dục Chính trị	13h00	Thứ 3 27/01/26	Hd1/A402, Hd2/B801, Hd3/B802
66	C22 Hd	Tiếng Việt thực hành	13h00	Thứ 5 29/01/26	Hd1/A402, Hd2/B801, Hd3/B802
67	C22 Hd	Ngoại ngữ cơ bản (T.Anh)	7h00	Thứ 2 02/02/26	(Thi vấn đáp) Hd1/B501, Hd2/B502, Hd3/B503
68	C22 K	Kinh tế vi mô	15h00	Thứ 2 19/01/26	K1/A404, K2/D401
69	C22 K	Marketing căn bản	15h00	Thứ 3 20/01/26	K1/A404, K2/D401
70	C22 K	Giáo dục thể chất	7h00	Thứ 4 21/01/26	(Thi thực hành) K1, K2/Sân tập
71	C22 K	Ngoại ngữ cơ bản I	7h00	Thứ 6 23/01/26	(Thi vấn đáp) K1/B601, K2/B602
72	C22 K	Pháp luật	15h00	Thứ 7 24/01/26	K1/A404, K2/D401
73	C22 K	Giáo dục Chính trị	15h00	Thứ 3 27/01/26	K1/A404, K2/D401
74	C22 K	Tổng quan du lịch	15h00	Thứ 5 29/01/26	K1/A404, K2/D401

Chú ý: - Giáo viên coi thi tập trung tại phòng truyền thống trước giờ thi 15 phút.
- Thí sinh tập trung tại phòng thi trước giờ thi 15 phút. Khi đi thi mang theo thẻ HSSV (hoặc giấy CMND, CCCD).